

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Công ty Quản lý quỹ	2 - 10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	12
Báo cáo công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 14
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	15 - 16
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	19
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	24 - 58

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 92.039.295.100 đồng, tương đương với 9.203.929,51 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với chức năng là lưu trữ hồ sơ, hoạt động lưu ký chứng khoán, thanh toán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2013
Bà Phạm Thị Phương Nhi	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2013
Bà Nguyễn Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 8 năm 2014
		Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Niềm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Avinash D. Satwalekar - chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 30,01% và 6,37% so với tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của chủ sở hữu chứng chỉ quỹ.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào danh mục cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. Thông tin chung về Quỹ (tiếp theo)

5. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Trung đến dài hạn

6. **Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):** Trung bình đến cao

7. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tổng giá trị tài sản ròng: 137.205.984.597 Việt Nam đồng.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 9.203.929,51 chứng chỉ quỹ.

9. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Chỉ số tham chiếu được tính bằng 50% tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% lợi suất trái phiếu có kỳ hạn 10 năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định về quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ và Ban Đại diện Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu chứng chỉ Quỹ.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ:** Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. Số liệu hoạt động

1. **Cơ cấu tài sản quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (%)
Danh mục chứng khoán	60,66	70,69	68,77
Tài sản khác	39,34	29,31	31,23
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. Số liệu hoạt động (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

	Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	137.205.984.597	79.109.574.419	73.976.386.490
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	9.203.929,51	6.899.517,37	6.991.698,47
3	Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ	14.907,32	11.465,95	10.580,60
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	14.907,32	11.485,45	10.787,45
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	12.444,05	10.880,58	9.781,44
6	Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo	14.907,32	11.465,95	10.580,60
7	Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	14.907,32	11.485,45	10.787,45
8	Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo	12.444,05	10.880,58	9.781,44
9	Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	30,01%	8,37%	5,80%
9.1	Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) (*)	-3,12%	-4,88%	0,69%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (*)	33,14%	13,25%	5,12%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,84%	2,97%	2,26%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,36	0,12	0,45

(*) Phần phân tách tăng trưởng / 1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập / 1 đơn vị quỹ và tăng trưởng Vốn / 1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. Số liệu hoạt động (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị chứng chỉ quỹ hàng năm
1 năm	30,01%	30,01%
Từ khi thành lập	49,07%	17,18%
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	6,37%	7,86%

4. Tăng trưởng một năm trước đó

Thời kỳ	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (%)	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	30,01%	8,36%	5,80%

III. Mô tả thị trường trong kỳ

1. Tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội ("GDP") quý 2 tiếp tục không đạt kỳ vọng

Sau mức tăng trưởng GDP đáng thất vọng được ghi nhận trong Quý 1 năm 2016, mức tăng trưởng GDP của Quý 2 tiếp tục dưới mức kỳ vọng, đạt 5,55% so với cùng kỳ năm ngoái. Tăng trưởng Quý 1 được điều chỉnh tăng nhẹ từ 5,46% lên 5,48% nên tăng trưởng GDP nửa đầu năm 2016 chỉ đạt 5,52%, thấp hơn nhiều so với 6,32% so với nửa đầu năm 2015 và kém xa so với mục tiêu của 6,70% của Chính phủ cho năm 2016. Sự sụt giảm của nhóm ngành Nông nghiệp, Khai khoáng là nguyên nhân chủ yếu góp phần làm giảm tỷ lệ tăng trưởng GDP.

Ngành Nông nghiệp sụt giảm 0,78% trong nửa đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm ngoái, đã làm khu vực Nông – Lâm – Ngư nghiệp giảm 0,18% so với cùng kỳ năm ngoái, vốn chiếm 15,7% GDP của nửa đầu năm 2016 và tăng 2,36% trong sáu tháng đầu năm 2015. Giá trị cây trồng và thủy sản nuôi trồng giảm tương ứng 3,0% và 0,4% do ảnh hưởng bởi hạn hán và xâm nhập mặn ở khu vực Miền Nam và Tây Nguyên. Trong khi đó ở các tỉnh phía Bắc, ngành nông nghiệp cũng bị ảnh hưởng nặng nề từ đợt rét đậm, rét hại trong tháng 1 năm 2016 với hàng loạt gia súc chết vì rét. Hậu quả nghiêm trọng của vụ cá chết hàng loạt ở vùng biển Miền Trung Việt Nam do nguồn chất thải độc hại của nhà máy sản xuất Formosa chưa được lượng hóa, trong khi đó mức tăng trưởng về thủy sản đánh bắt giảm từ 4,4% trong nửa đầu năm 2015 xuống còn 3,3% trong 6 tháng đầu năm 2016.

Ngành khai khoáng giảm 2,2% trong nửa đầu năm 2016 so với cùng kỳ năm ngoái, trong khi tăng 6,5% trong 6 tháng đầu năm 2015, dẫn đến việc sụt giảm đáng kể tỷ lệ tăng trưởng của khu vực Công nghiệp và Xây dựng. Khu vực Công nghiệp và Xây dựng chiếm 32,9% GDP, chỉ tăng 7,1% trong nửa đầu năm 2016 so với 9,6% cùng kỳ năm ngoái. Sản lượng dầu tư sụt giảm 6,1% (nửa đầu năm 2015 tăng 11,0%) được xem là nguyên nhân chủ yếu làm giảm mức tăng trưởng của ngành Khai khoáng. Do lo ngại về dư thừa nguồn cung, giá dầu đã tụt dốc xuống dưới 50 USD/thùng vào cuối năm 2015, và có lúc giảm xuống dưới 30 USD/thùng trong tháng 1/2016, mức giá khiến rất nhiều mỏ dầu của Việt Nam không có lợi nhuận. Do giá dầu giảm, kế hoạch khai thác dầu thô của PVN đã giảm 8,0% so với cùng kỳ năm ngoái, từ trên 17 triệu tấn của năm 2015 xuống còn 16 triệu tấn trong năm 2016.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. Mô tả thị trường trong kỳ (tiếp theo)

2. *Ngành chế biến, chế tạo, được hỗ trợ bởi FDI và Khu vực Dịch vụ vẫn tăng trưởng tốt*

Những điểm tích cực trong tăng trưởng bao gồm (i) tăng trưởng của ngành chế biến, chế tạo vẫn duy trì ở mức tốt, đạt 10,0% so với cùng kỳ năm ngoái, tương tự tốc độ tăng trưởng năm 2015, (ii) tăng trưởng của ngành xây dựng ở mức khả quan, đạt 8,8% so với cùng kỳ năm ngoái và là mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2010, (iii) tăng trưởng của ngành dịch vụ ở mức cao, đạt 6,4% so với cùng kỳ năm ngoái và cũng là mức tăng trưởng cao nhất từ năm 2012.

Tốc độ tăng trưởng mạnh của ngành chế biến, chế tạo không gây nhiều bất ngờ do PMI đã phục hồi ổn định từ tháng 4, đạt 52,3 trong tháng 4 và lần lượt đạt 52,6 và 52,7 trong tháng 5 và tháng 6. Tăng trưởng của ngành chế biến chế tạo cũng phù hợp tốc độ tăng trưởng mạnh của ngành sản xuất điện trong 6 tháng đầu năm (11,7% so với cùng kỳ). FDI, động lực tăng trưởng của ngành chế biến, chế tạo vẫn tăng trưởng tốt. FDI đăng ký trong 6 tháng đầu năm 2016 tăng hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2015, đạt 11,3 tỷ USD, trong đó FDI vào lĩnh vực sản xuất chiếm 71,7%. FDI giải ngân cũng tăng 15,1%, đạt 7,3 tỷ USD.

Trong khu vực Dịch vụ, khu vực đóng góp 41,0% GDP, một số ngành có mức tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm ngoái, như dịch vụ lưu trú và ăn uống (lần lượt đạt 5,7% so với 2,9% cùng kỳ 2015, thể hiện được sự phục hồi mạnh mẽ trong lĩnh vực du lịch), kinh doanh bất động sản (đạt 3,3% so với 2,7% của năm ngoái), dịch vụ tài chính – ngân hàng & bảo hiểm (đạt 6,1% so với 5,9% của năm ngoái).

3. *Lạm phát tăng, chủ yếu do điều chỉnh giá của các dịch vụ y tế và học phí*

Chỉ số giá tiêu dùng ("CPI") tăng 2,35% trong 6 tháng đầu năm và 2,4% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn tháng 6 năm 2015 (chỉ tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước), phần lớn do việc điều chỉnh giá các dịch vụ y tế (CPI dịch vụ y tế tăng 35,1% so với cùng kỳ), học phí (CPI học phí tăng 4,6% so với cùng kỳ) và tăng giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống (tăng 2,0%) do ảnh hưởng từ El Nino, tình trạng xâm nhập mặn và xuất khẩu thịt lợn sang Trung Quốc tăng. CPI của giao thông giảm 10,2% so với cùng kỳ do giá dầu giảm 21,1%, góp phần giảm bớt lạm phát. Chỉ số lạm phát cơ bản tăng 1,9% so với cùng kỳ năm ngoái.

4. *Chỉ số VN-Index*

Chỉ số VN-Index tăng 12,7% trong Quý 2 năm 2016, đạt 9,2% trong nửa đầu năm 2016. Chỉ số VN-Index tăng là sự kết hợp của nhiều yếu tố, bao gồm: quyết định không tăng lãi suất của Quỹ dự trữ Liên Bang Mỹ (FED) vào cuối tháng 3, giá dầu tăng 25,5% trong Quý 2 năm 2016, lợi nhuận của các công ty vốn hóa lớn trong Quý 1 năm 2016 khả quan, việc sửa đổi Thông tư 36 tốt hơn so với kỳ vọng và tăng giới hạn sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài ở một số công ty niêm yết. Bên cạnh đó, việc nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng nhà nước, với tăng trưởng M2 cao hơn tăng trưởng tín dụng cũng có thể là nguyên nhân làm tăng tính thanh khoản của thị trường trong Quý 2.

5. *Thanh khoản cải thiện trong Quý 2 năm 2016*

Tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"), thanh khoản được cải thiện trong Quý 2: Giá trị giao dịch trong Quý 2 đạt 142.506 tỷ VND, tăng 10,4% so với Quý 1 và 28,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Các nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trên thị trường với 765 tỷ VND. Tuy nhiên, phần lớn việc bán ròng diễn ra trong tháng 4 với 1.638 tỷ VND, chủ yếu đến từ các cổ phiếu đã được chuyển đổi từ trái phiếu của Vingroup. Trên thực tế, các nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng trong tháng 5 và tháng 6 năm 2016.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ (*)	33,14%	37,99%
Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ (*)	-3,12%	11,08%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	30,01%	49,07%
Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ	30,01%	17,18%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng

Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị CCQ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng.

Chỉ tiêu	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	137.205.984.597	79.109.574.419	73,44%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	14.907,32	11.465,95	30,01%

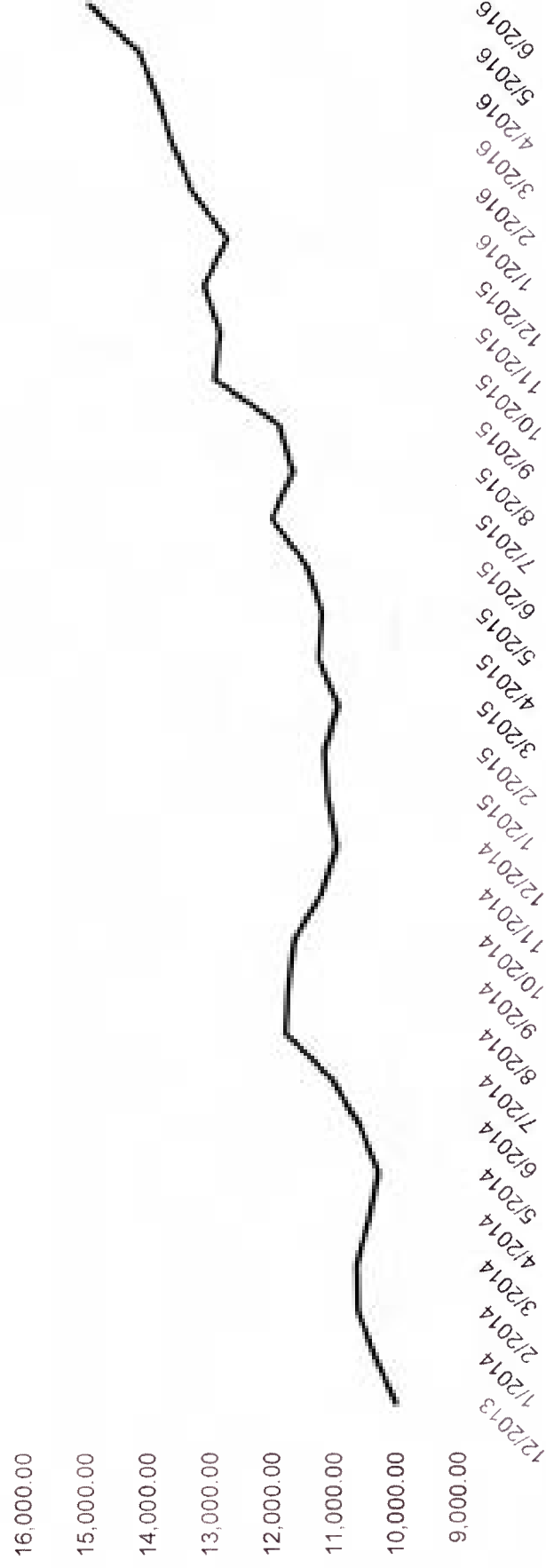
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	428	586.614,86	6,37%
Từ 5.000 - 10.000	39	272.282,70	2,96%
Từ 10.000 đến 50.000	45	852.307,10	9,26%
Từ 50.000 đến 500.000	9	879.366,62	9,55%
Trên 500.000	4	6.613.358,23	71,86%
Tổng cộng	525	9.203.929,51	100,00%

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Để được mục tiêu tăng trưởng 6,7% cho năm 2016, mức tăng trưởng của nửa cuối năm 2016 cần đạt 7,6%. Điều này được cho là khó thực hiện vì nhiều nguyên nhân. Triển vọng tăng trưởng toàn cầu đang được điều chỉnh xuống sau khi Anh bỏ phiếu rời Liên minh Châu Âu (Brexit), điều này có thể sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu của Việt Nam. Trong dài hạn, ảnh hưởng của thảm họa môi trường do Formosa gây ra ở miền Trung Việt Nam đối với ngành thủy sản và du lịch chưa thể phục hồi. Giá dầu đã tăng trở lại sau khi lập đáy hồi tháng 1 nhưng vẫn ở mức dưới 50 USD/thùng. Và cho dù giá dầu có tiếp tục tăng, Việt Nam không dễ dàng điều chỉnh kế hoạch khai thác dầu ngay lập tức. Giám đốc Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VERP) dự đoán Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng dưới 6% cho năm 2016. Ngày 19 tháng 07, Ngân hàng Thế giới cũng đã tiếp tục cắt giảm dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 xuống còn 6,0% do ảnh hưởng của hạn hán trầm trọng lên ngành nông nghiệp và quá trình công nghiệp hoá diễn ra chậm.

Tuy vậy, Chính phủ vẫn chưa điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng và đang thực hiện nhiều giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng, bao gồm:

- Nới lỏng chính sách tiền tệ. Mức tăng trưởng M2 được báo cáo đạt 8,1% cho tới ngày 20/06/2016, so với cuối năm 2015 (mức tăng trưởng là 5,1% cùng kỳ năm ngoái), hầu hết do việc mua USD (khoảng 7 tỷ USD từ đầu năm đến nay). Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tăng trưởng tín dụng đến ngày 30 tháng 6 đã đạt 8,2%, tăng khá so với mức 6,1% cùng kỳ năm trước. Dòng tiền chảy vào trái phiếu chính phủ trong 6 tháng đầu năm cũng tăng khá khi Chính phủ đã phát hành 187.726 tỷ VNĐ Trái phiếu, đạt 75,1% tổng chỉ tiêu phát hành của năm 2016, gấp 2,5 lần so với nửa đầu năm 2015;
- Thúc đẩy giải ngân vốn ODA, việc này đã diễn ra tương đối chậm trong nửa năm đầu 2016. Hiện còn khoảng 22 tỷ USD đang chờ được giải ngân và đầu tư công. Mức đầu tư công chỉ đạt 29,2% ngân sách của năm;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp bằng cách xoá bỏ những điều kiện không thích hợp và bất hợp pháp được đề ra trong Thông tư Bộ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. Thông tin về triển vọng thị trường (tiếp theo)

Mặc dù CPI tiếp tục được hỗ trợ bởi giá hàng hóa thấp, CPI của cả năm vẫn có các áp lực tăng, tuy nhiên sẽ không vượt mức 3.0% theo kế hoạch do một số nguyên nhân. Đầu tiên, tăng trưởng tín dụng được dự báo sẽ tăng vào cuối năm do yếu tố mùa vụ và do việc sửa đổi Thông tư 36 tích cực hơn với các doanh nghiệp bất động sản và có lộ trình kéo dài hơn dự kiến (hệ số rủi ro cho vay bất động sản được điều chỉnh từ 150% lên 200%, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, thay vì tăng lên mức cao nhất 250% như dự thảo; tỷ lệ vốn ngắn hạn dùng cho vay trung và dài hạn sẽ được điều chỉnh từ mức hiện tại là 50% xuống còn 50% từ ngày 01/01/2017, và xuống 40% từ ngày 01/01/2018, thay vì điều chỉnh ngay lập tức xuống mức 40% như trong dự thảo). Thứ hai, sẽ có một đợt điều chỉnh giá các dịch vụ y tế nữa vào tháng 8 năm 2016. Ngân Hàng Thế Giới cũng đã tăng dự báo CPI của Việt Nam từ 3,5% lên 4% cho năm 2016 và từ 3,8% lên 4,5% cho năm 2017.

VNI-index tăng 12,7% trong Quý 3 năm 2016, đạt 9,2% trong nửa đầu năm 2016. Chỉ số VNI-index tăng là sự kết hợp của nhiều yếu tố, bao gồm: quyết định không tăng lãi suất của Quỹ dự trữ Liên Bang Mỹ (FED) vào cuối tháng 3, giá dầu tăng 25,5% trong Quý 2 năm 2016, lợi nhuận của các công ty vốn hóa lớn trong Quý 1 năm 2016 khá quan, việc sửa đổi Thông tư 36 tốt hơn so với kỳ vọng và tăng giới hạn sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài ở một số công ty niêm yết. Bên cạnh đó, việc nới lỏng tiền tệ của Ngân hàng nhà nước, với tăng trưởng M2 cao hơn tăng trưởng tín dụng cũng có thể là nguyên nhân làm tăng tính thanh khoản của thị trường trong Quý 2.

VI. Thông tin khác

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Animesh Deepak Satwalekar
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi, Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong kỳ tài chính Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong 6 tháng đầu năm 2016, về lĩnh vực đầu tư, VCBF đã tuân thủ các hạn chế về đầu tư, hạn chế vay theo quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ quỹ, tất cả các hạng mục đều nằm trong giới hạn cho phép.
- b) Trong 6 tháng đầu năm 2016, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ. Bản cáo bạch và không có trường hợp sai sót nào xảy ra.
- c) Về hoạt động phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ, mua lại chứng chỉ quỹ, Công ty Quản lý Quỹ VCBF thực hiện tuân thủ theo quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT




Bà Đặng Võ Hoài Diệu
Giám đốc Nghiệp vụ Chứng khoán
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2016



Bà Trần Đại Trang
Trưởng Ban Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ") chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả thu nhập giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Các báo cáo tài chính giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Nguyễn Trung Kiên
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Số tham chiếu: 61141024/18009148-ss

BÁO CÁO CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 12 tháng 6 năm 2016 và được trình bày từ trang 15 đến trang 58, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Building a better
working world

Vấn đề khác

Theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 5 tháng 10 năm 2015, Quý phải trình bày và sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét để công bố thông tin. Theo đó, kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là kỳ kế toán đầu tiên mà báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý phải được soát xét cho mục đích công bố thông tin. Vì vậy, số liệu so sánh kỳ trước trên báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu chưa được soát xét.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Chưa soát xét) VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		15.714.333.920	4.773.359.558
02	1.1 Cổ tức	15	1.497.152.100	1.013.770.000
03	1.2 Tiền lãi	16	876.834.120	752.649.258
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	17	8.076.462.884	1.560.602.233
05	1.4 Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	18	5.263.884.816	1.446.338.067
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		(53.864.832)	(13.572.417)
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	19	(53.864.832)	(13.572.417)
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		(1.369.382.995)	(1.140.607.199)
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ	28.1	(749.637.974)	(578.524.496)
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	28.2	(157.367.525)	(140.556.063)
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	28.2	(138.600.000)	(138.559.580)
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ	28.2	(57.434.438)	(57.234.907)
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	28.2	(71.708.450)	(72.366.530)
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ		(19.012.441)	(10.702.233)
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		(61.706.865)	(60.002.745)
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	20	(113.915.302)	(82.660.645)
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		14.291.086.093	3.619.179.942
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		33.468.802	28.411.387
24.1	5.1 Thu nhập khác	22	33.468.802	28.411.387
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		14.324.554.895	3.647.591.329
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		9.060.670.079	2.201.253.262
32	6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		5.263.884.816	1.446.338.067
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		14.324.554.895	3.647.591.329

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B01g-QM



Ông Lê Đình Bửu Triển
Phó Giám đốc – Khối điều hành và dịch vụ



Ông Anand Deepak Satwalekar
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thủy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền và tương đương tiền	4	26.140.909.614	5.611.626.166
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng		6.114.561.418	3.611.626.166
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng		20.026.348.196	2.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần		107.501.639.886	84.872.651.300
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	107.501.639.886	84.872.651.300
	2.1a Cổ phiếu niêm yết		84.779.970.500	65.172.438.800
	2.1b Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		22.721.669.386	19.700.212.500
130	3. Các khoản phải thu	6	6.126.962.763	1.510.831.791
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		3.785.982.495	-
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.340.980.268	1.510.831.791
136	3.2a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		2.340.980.268	1.510.831.791
100	TỔNG TÀI SẢN		139.769.512.263	91.995.109.257
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	7	1.012.516.500	-
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	8	267.750.320	63.786.736
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		3.937.690	8.037.031
316	4. Chi phí phải trả	9	88.706.865	137.000.000
317	5. Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	10	549.110.000	60.133.200
318	6. Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	11	137.233.822	31.332.135
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	12	504.272.469	291.177.127
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		2.563.527.666	591.466.229
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ (III=I-II)		137.205.984.597	91.403.643.028
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		92.039.295.100	69.987.862.800
412	1.1 Vốn góp phát hành	13	112.900.113.900	87.584.087.000
413	1.2 Vốn góp mua lại	13	(20.860.818.800)	(17.596.224.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		10.197.367.757	771.013.383
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	14	34.969.321.740	20.644.766.845
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	13	14.907,32	13.059,92

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B02g-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	13	9.203.929,51	6.998.786,28



Ông Lê Đình Bửu Trồn
Phó Giám đốc – Khởi đầu thành và dịch vụ



Ông Anurag Deepak Sahaslekar
Tổng Giám đốc




Bà Võ Thị Thụy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
GIỮA NIÊN ĐỘ
 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B03g-QM

STT	CHỈ TIÊU	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Chưa soát xét) VND
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV) đầu kỳ	91.403.643.028	76.934.977.698
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước	14.324.554.895	3.647.591.329
	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	14.324.554.895	3.647.591.329
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	31.477.786.874	(1.472.994.508)
	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	35.952.419.323	2.236.030.903
	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(4.474.632.549)	(3.709.025.411)
IV	NAV của Quỹ cuối kỳ	137.205.984.897	79.109.574.419


 Ông Lê Đình Hữu Thiện
 Phó Giám đốc - Khởi đầu hành và dịch vụ


 Ông Anand Deepak Satwalekar
 Tổng Giám đốc


 Bà Vũ Thị Thủy Linh
 Người lập biểu


 Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết			84.779.970.500	60,66%
1	ACB	31.000	19.000	589.000.000	0,42%
2	ANV	119.020	6.700	797.434.000	0,57%
3	BCC	210.000	15.500	3.255.000.000	2,33%
4	BMP	13.000	146.000	1.898.000.000	1,36%
5	CAV	23.000	98.500	2.265.500.000	1,62%
6	DGC	5.000	50.100	250.500.000	0,18%
7	DHG	38.076	103.000	3.921.828.000	2,81%
8	DPR	86.390	35.000	3.023.650.000	2,16%
9	DRC	14.300	39.400	563.420.000	0,40%
10	FCN	107.000	20.300	2.172.100.000	1,55%
11	FPT	109.702	41.800	4.585.543.600	3,28%
12	GAS	17.540	62.500	1.096.250.000	0,78%
13	HCM	67.420	29.900	2.015.858.000	1,44%
14	HDG	31.370	26.300	825.031.000	0,59%
15	KDC	30.000	28.000	840.000.000	0,60%
16	MBB	392.378	14.900	5.846.432.200	4,18%
17	NNG	56.400	14.500	817.800.000	0,59%
18	NSC	34.000	100.000	3.400.000.000	2,43%
19	NT2	55.120	34.700	1.912.664.000	1,37%
20	PET	155.000	13.000	2.015.000.000	1,44%
21	PLC	37.000	30.600	1.132.200.000	0,81%
22	PNJ	6.682	77.000	514.514.000	0,37%
23	PVD	60.750	31.000	1.883.250.000	1,35%
24	PVS	210.000	18.200	3.822.000.000	2,73%
25	PVT	111.000	13.800	1.531.800.000	1,10%
26	RAL	40.000	86.500	3.460.000.000	2,48%
27	SVC	39.500	50.000	1.975.000.000	1,41%
28	SVI	77.268	39.900	3.082.993.200	2,21%
29	TCM	119.000	25.200	2.998.800.000	2,15%
30	TRA	5.952	115.000	684.480.000	0,49%
31	VGC	50.600	13.500	683.100.000	0,49%
32	VHC	53.405	45.500	2.429.927.500	1,74%
33	VIT	70.000	24.100	1.687.000.000	1,21%
34	VLC	97.400	17.900	1.743.460.000	1,25%
35	VNM	82.008	141.000	11.563.128.000	8,27%
36	VSC	53.394	65.500	3.497.307.000	2,50%
II	Tiền gửi có kỳ hạn cố định			42.748.017.582	30,59%
1	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng			22.721.669.386	16,26%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng			20.026.348.196	14,33%
III	Tiền và tương đương tiền			6.114.561.418	4,37%
1	Tiền gửi ngân hàng			6.114.561.418	4,37%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

B04g-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá trị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ %/ Tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (%)
IV	Các tài sản khác			6.128.962.763	4,38%
1	Cổ tức được nhận			156.639.500	0,11%
2	Phải thu lãi tiền gửi			2.184.340.768	1,56%
3	Tiền bán chứng khoán nhỏ thu			3.785.982.495	2,71%
V	Tổng giá trị danh mục			138.769.512.263	100,00%


 Ông Lê Đình Bửu Trăn
 Phó Giám đốc – Khối điều hành và dịch vụ




 Ông Anurag Deepak Satwalekar
 Tổng Giám đốc


 Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu


 Bà Nguyễn Đăng Tâm
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Chưa soát xét) VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		14.324.554.895	3.647.591.329
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	Các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	18	(5.263.884.816)	(1.446.338.067)
04	Chi phí trích trước		(48.293.135)	(62.575.296)
05	2. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		9.012.376.944	2.138.677.966
06	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư		(17.365.103.770)	304.845.267
07	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư	6	(3.785.982.495)	(910.831.701)
08	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(830.148.477)	828.674.698
10	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		1.012.516.500	(317.876.100)
11	Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		203.963.584	(53.704.624)
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(4.099.341)	553.857
14	Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		488.976.800	29.004.000
15	Tăng/(giảm) phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		105.901.687	(16.082.196)
17	Tăng phải trả cho dịch vụ quản lý Quỹ		213.095.342	52.664.370
19	Tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(10.948.503.226)	2.055.925.537
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	13	35.952.419.223	2.236.030.903
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	13	(4.474.632.549)	(3.709.025.411)
30	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		31.477.786.674	(1.472.994.508)
40	III. Tăng tiền thuần trong kỳ		20.529.283.448	582.931.029
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		5.611.626.166	881.119.508
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		3.546.492.966	835.035.808
53	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		2.000.000.000	-
54	- Tiền gửi phong toả		65.133.200	46.083.700

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (sắp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

B05g-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Chưa soát xét) VND
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	26.140.909.614	1.464.050.537
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ		4.660.451.418	1.368.962.837
	- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng		20.026.348.196	-
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		1.254.110.000	75.087.700
61	VI. Chính sách tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ		26.529.283.448	582.931.029


Ông Lê Đình Bửu Trần
Phó Giám đốc – Khối điều hành và dịch vụ


Ông Prakash Deepak Satwalekar
Tổng Giám đốc


Bà Võ Thị Thủy Linh
Người lập biểu


Bà Nguyễn Đăng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội.

Công ty Quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được chỉ định là Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho Quỹ. Ngân hàng Deutsche Bank AG, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Giấy phép số 20/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 6 năm 1995 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 09/GPHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 10 năm 2000.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số đơn vị chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/đơn vị quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 92.039.295.100 đồng, tương đương với 9.203.929,51 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mục tiêu của Quỹ có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép. Ngoài ra, mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi hoàn toàn theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và báo cáo với UBCKNN.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư (tiếp theo)

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, từ cơ sở phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng (NAV)

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào chứng khoán và giấy tờ có giá của một tổ chức phát hành có giá trị từ năm phần trăm (5%) tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ, ngoại tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật, chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu, cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị chứng khoán của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày Quỹ đầu tư của tổ chức phát hành được thành lập và hoạt động theo pháp luật không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành tại các ngân hàng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động hợp nhất, sáp nhập và thu tóm của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo Chế độ Kế toán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập giữa niên độ
2. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ
4. Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ mở giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, các báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, tình hình đầu tư giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 và Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2.4 Số liệu so sánh

Theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2015, Quỹ phải trình bày và sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét để công bố thông tin. Theo đó, kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là kỳ kế toán đầu tiên mà báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ phải được soát xét cho mục đích công bố thông tin. Vì vậy, số liệu so sánh kỳ trước trên báo cáo thu nhập giữa niên độ, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu chưa được soát xét.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các chứng khoán niêm yết và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư", phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo nguyên tắc như sau:

- Tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu khác" trên báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập giữa niên độ. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác.	Giá trị thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trung thầu hoặc một lãi suất khác do ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá sạch từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Đối với trái phiếu chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết hoặc tên gọi khác (giá sạch) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
8	Trái phiếu biến động bất thường	Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục (5) ở trên. Trong trường hợp trái phiếu có biến động tăng/giảm trên 10% so với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau: - Giá sách từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền; hoặc - Giá mua cộng với lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng với lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
9	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch) sử dụng một trong các phương pháp định giá sau: + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá trung bình từ các báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo giá gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{tỷ lệ chuyển đổi}\}$
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Quyền mua cổ phiếu

Quyền mua cổ phiếu được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và hạch toán vào ngày lập báo cáo giữa niên độ theo giá trị thị trường sau khi trừ giá cam kết mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền để mua một cổ phiếu mới.

Các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ có thể được Quỹ mang đi thế chấp trong các giao dịch bán và cam kết mua lại trái phiếu Chính phủ.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như phí quản lý, phí giám sát, phí lưu ký, phí quản trị Quỹ, phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tòa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn (tiếp theo)

3.5.1 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bằng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong kỳ cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong kỳ. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong kỳ, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo nguyên giá của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Phí quản lý danh mục đầu tư

Phí quản lý danh mục đầu tư bao gồm Phí quản lý quỹ, Phí dịch vụ quản trị quỹ và Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 thì phí quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

(i) Phí quản lý quỹ

Phí quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.

Phí quản lý quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Phí quản lý quỹ} = 1,5\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (366 ngày)}.$$

(ii) Phí dịch vụ quản trị Quỹ

Phí dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (tối thiểu là 105.000.000 đồng mỗi năm), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Phí dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Phí quản trị quỹ} = 0,04\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (366 ngày)}.$$

(iii) Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Trước ngày 8 tháng 3 năm 2016, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 0,04% giá trị tài sản ròng một năm tính trên giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá (tối thiểu là 10.500.000 đồng mỗi tháng). Sau ngày 8 tháng 3 năm 2016, phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 11.000.000 đồng/tháng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ định kỳ mỗi 6 tháng để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Số phí trả mỗi 6 tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong kỳ.

Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng trước ngày 8 tháng 3 năm 2016 được tính theo công thức như sau:

$$\text{Phí đại lý chuyển nhượng} = 0,04\% \times \text{Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá} / \text{Số ngày thực tế trong năm (366 ngày)}.$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.2 Phí giám sát

Phí giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí giám sát được tính theo công thức sau:

Phí giám sát = 0,04% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).

3.8.3 Phí lưu ký

Phí lưu ký là 0,03% trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá (tối thiểu là 21.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Mức phí trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký, phí giao dịch chứng khoán, v.v. Mức phí lưu ký sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của luật hiện hành.

Phí lưu ký được tính theo công thức sau:

Phí lưu ký = 0,03% * Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (366 ngày).

3.8.4 Phí giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản phí giao dịch chứng khoán là 210.000 VND/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập giữa niên độ khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ cần giữ lại 22% lợi nhuận được phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo qui định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho cá nhân đầu tư vốn, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng số cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%.

Giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán chưa niêm yết là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, và Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

3.13 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ	4.860.451.418	3.546.492.966
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	20.026.348.196	2.000.000.000
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	1.254.110.000	65.133.200
TỔNG CỘNG	26.140.909.614	5.611.626.166

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Số tiền gốc VND
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1	5,20	3.026.348.196
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1	5,20	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1	5,20	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1	5,20	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	1	5,30	7.000.000.000
Tổng cộng			20.026.348.196

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

Ngày 30 tháng 6 năm 2016				
	Giá mua VND	Giá trị thị trường VND	Chênh lệch đánh giá lại VND	
Cổ phiếu niêm yết	69.710.068.171	84.779.970.500		15.069.902.329
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	22.721.669.386	22.721.669.386		-
TỔNG CỘNG	92.431.737.557	107.501.639.886		15.069.902.329

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên (3) tháng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Kỳ hạn (tháng)	Ngày mở	Ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Số tiền gốc VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	18	27-2-2015	27-8-2016	7,20	7.200.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	18	26-1-2015	26-7-2016	7,20	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	18	23-3-2015	23-9-2016	7,10	4.000.212.500
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	24	9-10-2014	9-10-2016	8,20	3.500.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	12	29-2-2016	28-2-2017	6,60	1.008.660.331
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	12	29-2-2016	28-2-2017	6,60	1.008.660.331
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	12	7-3-2016	7-3-2017	6,60	1.004.136.224
Tổng cộng					22.721.669.386

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU

6.1 Phải thu về bán chứng khoán

Phải thu về bán các khoản đầu tư là khoản tiền Quỹ sẽ được nhận sau 2 ngày kể từ ngày thực hiện giao dịch bán khoản đầu tư theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"). Chi tiết các khoản phải thu từ việc bán các khoản đầu tư như sau:

<i>Mã chứng khoán</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
MWG	1.233.147.500	-
RAL	1.012.508.955	-
CAV	971.540.500	-
PNJ	568.785.540	-
TỔNG CỘNG	3.785.982.495	-

6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	2.184.340.768	1.366.095.791
Dự thu cổ tức (<i>Thuyết minh 15</i>)	156.639.500	144.736.000
TỔNG CỘNG	2.340.980.268	1.510.831.791

Chi tiết dự thu cổ tức tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

<i>Mã chứng khoán</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>
VHC	80.107.500	-
PNJ	36.302.000	18.151.000
DRC	33.000.000	-
TRA	7.230.000	-
FCN	-	107.085.000
BMP	-	19.500.000
TỔNG CỘNG	156.639.500	144.736.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

6.2 Phải thu về bán chứng khoán (tiếp theo)

Chi tiết dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Số tiền gốc VND	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Lãi dự thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	7.200.000.000	18	7,20	705.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	5.000.000.000	18	7,20	522.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	4.000.212.500	18	7,10	367.641.752
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	3.500.000.000	24	8,20	503.047.865
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	7.000.000.000	24	5,30	7.213.889
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1.008.660.331	12	6,60	22.745.290
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1.008.660.331	12	6,60	22.745.290
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	1.004.136.224	12	6,60	21.354.037
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	4.000.000.000	12	5,20	4.622.222
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.026.348.196	12	5,20	437.089
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.000.000.000	12	5,20	3.466.667
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	3.000.000.000	12	5,20	3.466.667
TỔNG CỘNG	42.748.017.582			2.184.340.768

7. PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Phải trả về mua các khoản đầu tư là khoản tiền Quỹ sẽ thanh toán sau 2 ngày kể từ ngày thực hiện giao dịch mua khoản đầu tư theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN"). Chi tiết các khoản phải trả từ việc mua các khoản đầu tư như sau:

Mã chứng khoán	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
HCM	757.134.000	-
TCM	255.382.500	-
TỔNG CỘNG	1.012.516.500	-

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

8. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	133.875.160	31.893.368
Phải trả cho các Đại lý phân phối	133.875.160	31.893.368
TỔNG CỘNG	267.750.320	63.786.736

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả chi phí kiểm toán	61.706.865	110.000.000
Phải trả chi phí thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.000.000	27.000.000
TỔNG CỘNG	88.706.865	137.000.000

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ	549.110.000	60.133.200

11. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ hợp lệ chưa hoàn thành thủ tục thanh toán	137.233.822	31.332.135

12. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Phải trả phí quản lý Quỹ	398.305.254	223.617.541
Phải trả phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	44.000.000	11.550.000
Phải trả phí dịch vụ giám sát	23.100.000	23.100.000
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	21.000.000	21.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	9.467.215	9.809.586
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	8.400.000	2.100.000
TỔNG CỘNG	504.272.469	291.177.127

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

13. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Số dư đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	8.758.408,70	2.531.602,69	11.290.011,39
Giá trị ghi theo mệnh giá	87.584.087.000	25.316.026.900	112.900.113.900
Thặng dư vốn	3.304.891.672	10.636.392.323	13.941.283.995
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	90.888.978.672	35.952.419.223	126.841.397.895
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(1.759.622,42)	(326.459,46)	(2.086.081,88)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(17.596.224.200)	(3.264.594.600)	(20.860.818.800)
Thặng dư vốn	(2.533.878.289)	(1.210.037.949)	(3.743.916.238)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(20.130.102.489)	(4.474.632.549)	(24.604.735.038)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	6.998.786,28	2.205.143,23	9.203.929,51
Giá trị vốn góp hiện hành	70.758.876.183	31.477.786.674	102.236.662.857
Lợi nhuận chưa phân phối	20.644.766.845	14.324.554.895	34.969.321.740
NAV hiện hành	91.403.643.028		137.205.984.597
NAV hiện hành trên 1 chứng chỉ quỹ	13.059,92		14.907,32

14. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND
Lợi nhuận đã thực hiện	19.899.419.411	10.838.749.332
Lợi nhuận chưa thực hiện	15.069.902.329	9.806.017.513
TỔNG CỘNG	34.969.321.740	20.644.766.845

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

15. CỔ TỨC

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND</i>
Cổ tức thực nhận	1.340.512.600	983.770.000
Cổ tức dự thu (<i>Thuyết minh 6.2</i>)	156.639.500	30.000.000
TỔNG CỘNG	1.497.152.100	1.013.770.000

Chi tiết cổ tức thực nhận trong kỳ như sau:

<i>Mã chứng khoán</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND</i>
VNM	164.016.000	155.280.000
DRP	142.780.000	-
DHG	133.266.000	95.568.000
CAV	120.000.000	88.770.000
RAL	104.000.000	-
SVI	87.168.000	72.640.000
VIT	78.150.000	-
FPT	78.002.000	75.750.000
NT2	68.900.000	-
BMP	58.500.000	94.675.000
SVC	55.300.000	-
VSC	48.540.000	16.000.000
GAS	35.080.000	-
CTD	33.000.000	199.500.000
KDC	30.000.000	-
TCM	29.500.000	42.000.000
PET	24.000.000	-
HCM	20.850.600	-
MWG	15.000.000	-
TRA	14.460.000	-
BCC	-	18.690.000
DPR	-	94.935.000
ACB	-	21.700.000
PNJ	-	8.262.000
TỔNG CỘNG	1.340.512.600	983.770.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

16. TIỀN LÃI

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND</i>
Tiền lãi thực nhận	58.022.477	127.932.289
Tiền gửi có kỳ hạn	47.238.416	125.179.166
Tiền gửi không kỳ hạn	10.784.061	2.753.123
Tiền lãi dự thu	818.811.643	624.716.969
Tiền gửi có kỳ hạn	818.811.643	624.716.969
TỔNG CỘNG	876.834.120	752.649.258

17. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>			<i>Lãi bán chứng khoán cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND</i>
	<i>Tổng giá trị bán trong kỳ VND</i>	<i>Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND</i>	<i>Lãi bán chứng khoán trong kỳ VND</i>	
Cổ phiếu niêm yết	14.821.352.000	6.744.889.116	8.076.462.884	1.560.602.233

18. CHÊNH LỆCH TĂNG ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	<i>Giá trị mua theo sổ kế toán VND</i>	<i>Giá thị trường VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại đã ghi nhận trong tài khoản ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Chênh lệch đánh giá lại ghi nhận trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết	69.710.068.171	84.779.970.500	15.069.902.329	9.806.017.513	5.263.884.816

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

19. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND</i>
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	31.632.803	5.986.963
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	22.232.029	7.585.454
TỔNG CỘNG	53.864.832	13.572.417

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	40.000.000
Chi phí tư vấn pháp lý	33.000.000	-
Chi phí quản lý dữ liệu	13.860.000	13.860.000
Phí Ngân hàng	7.055.302	4.661.173
Chi phí in ấn	-	17.050.000
Chi phí khác	-	7.089.472
TỔNG CỘNG	113.915.302	82.660.645

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

21. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong kỳ	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ VND	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)(%)	(8)(%)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	25.528.621.000	35.909.888.000	71,09%	0,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Không liên quan	10.381.267.000	35.909.888.000	28,91%	0,15%	0,15%
Tổng			35.909.888.000		100,00%		

22. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc các nhà đầu tư bán lại chứng chỉ quỹ.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 1	90.366.154.388	6.998.786,28	12.911,68	-
Kỳ 2/Tháng 1	89.295.753.018	7.006.752,76	12.744,24	(167,44)
Kỳ 3/Tháng 1	87.761.023.260	7.052.444,62	12.444,05	(300,19)
Kỳ 4/Tháng 1	88.228.396.605	7.075.945,67	12.468,77	24,72
Kỳ cuối/Tháng 1	91.289.020.698	7.201.138,01	12.677,02	208,25
Kỳ 1/Tháng 2	90.247.533.672	7.201.138,01	12.532,39	(144,63)
Kỳ 2/Tháng 2	92.032.075.424	7.214.009,71	12.757,40	225,01
Kỳ 3/Tháng 2	93.729.325.209	7.236.087,88	12.953,03	195,63
Kỳ 4/Tháng 2	96.510.037.466	7.262.341,16	13.289,10	336,07
Kỳ cuối/Tháng 2	96.605.653.051	7.294.125,04	13.244,30	(44,80)
Kỳ 1/Tháng 3	97.397.340.317	7.294.125,04	13.352,84	108,54
Kỳ 2/Tháng 3	98.964.749.261	7.294.125,04	13.567,73	214,89
Kỳ 3/Tháng 3	99.611.932.517	7.304.551,54	13.636,96	69,23
Kỳ 4/Tháng 3	99.919.376.377	7.325.277,03	13.640,35	3,39
Kỳ 5/Tháng 3	99.177.472.503	7.200.341,48	13.773,99	133,64
Kỳ cuối/Tháng 3	97.389.120.916	7.184.395,09	13.555,64	(218,35)
Kỳ 1/Tháng 4	97.441.849.397	7.184.395,09	13.562,98	7,34
Kỳ 2/Tháng 4	100.436.031.681	7.189.199,32	13.970,40	407,42
Kỳ 3/Tháng 4	99.401.434.855	7.262.303,91	13.687,31	(283,09)
Kỳ 4/Tháng 4	101.536.474.671	7.331.740,81	13.848,89	161,58
Kỳ cuối/Tháng 4	100.546.670.881	7.285.929,46	13.800,11	(48,78)
Kỳ 1/Tháng 5	100.540.486.972	7.285.929,46	13.799,26	(0,85)
Kỳ 2/Tháng 5	101.650.589.362	7.376.556,29	13.780,22	(19,04)
Kỳ 3/Tháng 5	104.268.751.343	7.443.739,93	14.007,57	227,35
Kỳ 4/Tháng 5	104.241.497.762	7.446.847,18	13.998,07	(9,50)
Kỳ cuối/Tháng 5	105.073.715.948	7.444.184,65	14.114,87	116,80
Kỳ 1/Tháng 6	106.443.361.859	7.471.078,56	14.247,38	132,51
Kỳ 2/Tháng 6	108.502.624.342	7.577.812,17	14.318,46	71,08

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

23. **XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG** (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	VND		VND	VND
Kỳ 3/Tháng 6	111.864.091.226	7.654.417,18	14.614,31	295,85
Kỳ 4/Tháng 6	135.061.663.011	9.157.960,29	14.748,00	133,69
Kỳ cuối/Tháng 6	137.205.984.597	9.203.929,51	14.907,32	159,32
Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	100.262.191.188			
Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất				14.907,32
Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất				12.444,05

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCQ	NAV/1CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ
	VND		VND	VND
Kỳ 1/Tháng 1	76.537.423.169	7.030.274,27	10.886,83	-
Kỳ 2/Tháng 1	76.667.650.334	7.033.514,88	10.900,33	13,50
Kỳ 3/Tháng 1	77.786.014.530	7.033.514,88	11.059,33	159,00
Kỳ 4/Tháng 1	78.418.854.056	7.063.132,38	11.102,56	43,23
Kỳ 5/Tháng 1	78.065.148.425	7.063.132,38	11.052,48	(50,08)
Kỳ 6/Tháng 1	78.185.498.318	7.078.483,05	11.045,51	(6,97)
Kỳ 7/Tháng 1	78.621.481.363	7.078.483,05	11.107,10	61,59
Kỳ 8/Tháng 1	79.038.509.711	7.079.247,67	11.164,81	57,71
Kỳ cuối/Tháng 1	78.428.047.290	7.079.247,67	11.078,58	(86,23)
Kỳ 1/Tháng 2	77.368.615.927	7.079.247,67	10.928,93	(149,65)
Kỳ 2/Tháng 2	77.763.471.857	7.065.682,39	11.005,79	76,86
Kỳ 3/Tháng 2	77.911.064.144	7.065.682,39	11.026,68	20,89
Kỳ 4/Tháng 2	79.022.097.509	7.077.215,21	11.165,70	139,02
Kỳ 5/Tháng 2	79.072.008.299	7.077.215,21	11.172,75	7,05
Kỳ 6/Tháng 2	79.058.151.572	7.078.092,34	11.169,41	(3,34)
Kỳ cuối/Tháng 2	78.793.328.316	7.078.092,34	11.132,00	(37,41)
Kỳ 1/Tháng 3	79.470.271.683	7.078.092,34	11.227,63	95,63
Kỳ 2/Tháng 3	80.037.325.665	7.070.616,09	11.319,71	92,08
Kỳ 3/Tháng 3	79.843.009.313	7.070.616,09	11.292,22	(27,49)
Kỳ 4/Tháng 3	79.434.971.544	7.058.900,88	11.253,16	(39,06)
Kỳ 5/Tháng 3	79.065.386.032	7.058.900,88	11.200,80	(52,36)
Kỳ 6/Tháng 3	77.270.033.593	6.930.412,40	11.149,41	(51,39)
Kỳ 7/Tháng 3	76.227.498.469	6.930.412,40	10.998,98	(150,43)
Kỳ 8/Tháng 3	76.057.056.646	6.919.677,37	10.991,41	(7,57)
Kỳ cuối/Tháng 3	75.525.594.702	6.919.677,37	10.914,61	(76,80)
Kỳ 1/Tháng 4	75.837.777.598	6.918.943,79	10.960,88	46,27
Kỳ 2/Tháng 4	76.594.424.090	6.918.943,79	11.070,24	109,36
Kỳ 3/Tháng 4	76.807.772.009	6.918.774,32	11.101,35	31,11
Kỳ 4/Tháng 4	76.772.148.474	6.918.774,32	11.096,20	(5,15)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

23. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV	Số lượng CCCQ	NAV/1CCCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/1CCCQ
	VND		VND	VND
Kỳ 5/Tháng 4	77.827.063.889	6.936.148,17	11.220,50	124,30
Kỳ 6/Tháng 4	78.206.098.447	6.936.148,17	11.275,14	54,64
Kỳ 7/Tháng 4	78.259.310.760	6.928.219,63	11.295,73	20,59
Kỳ cuối/Tháng 4	77.765.557.052	6.928.219,63	11.224,46	(71,27)
Kỳ 1/Tháng 5	77.760.058.031	6.928.219,63	11.223,67	(0,79)
Kỳ 2/Tháng 5	76.524.694.470	6.928.219,63	11.045,36	(178,31)
Kỳ 3/Tháng 5	76.512.926.183	6.918.712,45	11.058,83	13,47
Kỳ 4/Tháng 5	75.355.450.565	6.918.712,45	10.891,54	(167,29)
Kỳ 5/Tháng 5	76.175.856.434	6.931.439,37	10.989,90	98,36
Kỳ 6/Tháng 5	75.418.099.841	6.931.439,37	10.880,58	(109,32)
Kỳ 7/Tháng 5	76.824.886.171	6.919.912,29	11.102,00	221,42
Kỳ 8/Tháng 5	77.109.128.877	6.919.912,29	11.143,07	41,07
Kỳ 9/Tháng 5	77.381.334.905	6.918.115,53	11.185,31	42,24
Kỳ cuối/Tháng 5	77.249.798.721	6.918.115,53	11.166,30	(19,01)
Kỳ 1/Tháng 6	77.088.731.040	6.918.115,53	11.143,02	(23,28)
Kỳ 2/Tháng 6	77.530.559.211	6.910.479,65	11.219,27	76,25
Kỳ 3/Tháng 6	77.943.286.782	6.910.479,65	11.278,99	59,72
Kỳ 4/Tháng 6	78.216.661.430	6.899.508,76	11.336,55	57,56
Kỳ 5/Tháng 6	77.982.354.303	6.899.508,76	11.302,59	(33,96)
Kỳ 6/Tháng 6	78.266.339.162	6.911.433,18	11.324,18	21,59
Kỳ 7/Tháng 6	79.380.969.198	6.911.433,18	11.485,45	161,27
Kỳ cuối/Tháng 6	78.784.354.206	6.899.517,37	11.418,82	(66,63)
Kỳ 1/Tháng 7	79.109.574.419	6.899.517,37	11.465,95	47,13

Giá trị tài sản ròng bình quân kỳ 77.750.094.403

Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức cao nhất

Giá trị tài sản ròng trên 1 Đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ mức thấp nhất

11.485,45
10.880,58

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

24. TÀI SẢN NGOẠI BẢNG

24.1 Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	9.203.929,51	6.998.786,28

25. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 30 tháng 6 năm 2016	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2015
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,84%	2,97%
Tốc độ vòng quay danh mục	35,84%	11,64%

25.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động 100\%}}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

25.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong kỳ.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

26.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của quỹ là 84.779.970.500 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 8.477.997.050 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 8.477.997.050 đồng.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ không nắm giữ các chứng khoán nợ nào.

(iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

26. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tiền gửi đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

26.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính giữa niên độ và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Quỹ cũng như tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập:

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu:

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người bán nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Là các khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Nợ phải trả được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo thu nhập.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo thu nhập sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền				
- Tiền gửi ngân hàng	6.114.561.418	6.114.561.418	3.611.626.166	3.611.626.166
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới (3) tháng	20.026.348.196	20.026.348.196	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản đầu tư				
- Cổ phiếu niêm yết	84.779.970.500	84.779.970.500	65.172.438.800	65.172.438.800
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	22.721.669.386	22.721.669.386	19.700.212.500	19.700.212.500
Các khoản phải thu	6.126.962.763	6.126.962.763	1.510.831.791	1.510.831.791
Tổng cộng	139.769.512.263	139.769.512.263	91.995.109.257	91.995.109.257
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	1.012.516.500	1.012.516.500	-	-
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	267.750.320	267.750.320	63.786.736	63.786.736
Chi phí phải trả	61.706.865	61.706.865	110.000.000	110.000.000
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	549.110.000	549.110.000	60.133.200	60.133.200
Phải trả cho nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	137.233.822	137.233.822	31.332.135	31.332.135
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	504.272.469	504.272.469	291.177.127	291.177.127
Tổng cộng	2.532.589.976	2.532.589.976	556.429.198	556.429.198

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

27. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh* 3.3.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

28.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND
Phí quản lý Quỹ	749.637.974	578.524.496

b) Thủ lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán như chi phí của Quỹ.

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	60.000.000	40.000.000

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC (tiếp theo)

c) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	27,16	2.500.000,00	35,72
Công ty Liên Doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.743.027,88	18,94	1.743.027,88	24,91
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	1.001.073,65 289.002,15	10,88 3,14	1.001.073,65 314.145,07	14,30 4,49
Bên liên quan khác		5.533.103,68	60,12	5.558.246,60	79,42
Tổng cộng					

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

B06g-QM

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

28.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VNĐ	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 VNĐ
Phi dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	137.357.526	140.556.063
Phi dịch vụ giám sát	138.600.000	138.559.560
Phi dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	24.460.904	72.366.530
Phi dịch vụ quản trị Quỹ	57.434.438	57.234.907

Trong kỳ, Quỹ đã ghi nhận phi dịch vụ Đại lý chuyển nhượng với số tiền là 47.247.546 VNĐ. Các phí trên sẽ được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.


Ông Lê Đình Bửu Triển
Phó Giám đốc – Khối điều hành và dịch vụ


Ông Nguyễn Deepak Sahasrabudhe
Tổng Giám đốc


Bà Võ Thị Thủy Linh
Người lập biểu


Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 6 năm 2016